

Bản án số: 34/2018/HSST

Ngày 11-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Xuyên

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

-Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2018/TLST-HS, ngày 25/5/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXX-ST ngày 31/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Trọng Y - sinh năm 1971 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; cư trú tại: Khu 02, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trọng Q (Đã chết) và bà Dương Thị Đ - sinh năm 1930; có vợ là Đỗ Thị V- sinh năm 1972 và 04 con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2009); tiền sự, tiền án: Không; danh chỉ bản số 091 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 10/02/2018; nhân thân: Tại bản án số 10/2009/HSST ngày 27/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt Đỗ Trọng Y 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” (Đỗ Trọng Y đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích); bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2018 đến ngày 09/02/2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và được tại ngoại. Có mặt.

2. Trần Văn D - sinh năm 1967 tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; cư trú tại: Khu M, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình U (Đã chết) và bà Trần Thị D (Đã chết); có vợ là Bùi Thị T - sinh năm 1971 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1995); tiền sự, tiền án: Không; danh chỉ bản số 092 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 10/02/2018; nhân thân: Tại bản án số 18/2012/HSST ngày 15/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt Trần Văn D 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Trần Văn D đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích); bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2018 đến ngày 06/02/2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và được tại ngoại. Có mặt.

3. Nguyễn Hữu T - sinh năm 1990 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; cư trú tại: Khu L, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C - sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị V - sinh năm 1963; có vợ là Nguyễn Thùy L - sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không; danh chỉ bản số 089 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 10/02/2018; bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2018 đến ngày 09/02/2018, thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và được tại ngoại. Có mặt.

4. Nguyễn Thị M - sinh năm 1980 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; cư trú tại: Khu 01, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến K - sinh năm 1936 và bà Đỗ Thị B - sinh năm 1941; có chồng là Đỗ Văn T - sinh năm 1980 (Đã ly hôn) và 02 con (Lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền sự, tiền án: Không; danh chỉ bản số 095 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 10/02/2018; không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

5. Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1988 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; cư trú tại: Khu 04, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1957 và bà Đặng Thị H - sinh năm 1958; có chồng là Nguyễn Văn C - sinh năm 1985 và 03 con (Lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền sự, tiền án: Không; danh chỉ bản số 093 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 10/02/2018; bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2018 đến ngày 06/02/2018, thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và được tại ngoại. Có mặt.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1- Ông Nguyễn Trường T2, sinh năm 1990; cư trú tại: Tổ 1, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985; cư trú tại: Xóm Q, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

3- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1965; cư trú tại: Khu 09, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

4- Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1957; cư trú tại: Tổ 1, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

5- Ông Đặng Văn T3, sinh năm 1964; cư trú tại: Khu 09, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

6- Ông Lưu Ngọc T4, sinh năm 1981; cư trú tại: Tổ 03, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

7- Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1973; cư trú tại: Khu 05, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

8- Ông Nguyễn Đình T5 - sinh năm 1982; cư trú tại: Khu 09, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 10 phút ngày 03/02/2018 tại nhà Đỗ Trọng Y, sinh năm 1971 ở khu 2 xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ tổ công tác thuộc Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ phối hợp cùng Công an huyện Cẩm Khê bắt quả tang Đỗ Trọng Y đang cộng các số lô, số đề do những người chơi chuyển đến thông qua tin nhắn điện thoại. Vật chứng thu giữ của Đỗ Trọng Y: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4S màu đen có gắn sim số 01649.677.752, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy S7 edge màu vàng có gắn sim số 0984.570.571 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng có gắn sim số 0975.132.134. Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Ngày 01/02/2017, Đỗ Trọng Y đã thỏa thuận để Nguyễn Thị T1, Nguyễn Hữu T làm thư ký ghi số lô, số đề rồi chuyển bảng cho Y qua tin nhắn điện thoại di động. Sau khi, nhận bảng lô, đề của các đối tượng trên chuyển đến, nếu xét thấy quá khả

năng thì Y chuyển một phần bảng lô đề cho Nguyễn Thị M. Cách thức mua bán số lô, số đề cụ thể như sau:

Số đề 2 chữ số: Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều cặp số. Mỗi cặp gồm 2 số tự nhiên bất kỳ từ 0 đến 9 (cặp số từ 00 đến 99), mức tiền mua từng cặp số, rồi chờ đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày hôm đó, nếu trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì người mua được trả gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra mua số đề đó.

Số đề 3 chữ số (ba càng): Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều dãy số gồm 3 chữ số tự nhiên bất kỳ từ 0 đến 9 (dãy số từ 000 đến 999). Rồi chờ đối chiếu với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày, nếu dãy số đã mua trùng với 3 chữ số cuối của giải Đặc biệt thì người mua được trả gấp 350 lần số tiền đã bỏ ra mua số đề đó.

Số lô 2 chữ số: Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều cặp số gồm 2 số tự nhiên bất kỳ (cặp số từ 00 đến 99), mức mua tính theo “điểm”, mỗi điểm được bán với giá 22.000đ (hai mươi hai ngàn đồng). So sánh với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày; nếu số lô đã mua trùng với hai chữ số cuối của bất kỳ giải thưởng nào thì người mua trúng lô một lần. Nếu trong các giải thưởng có hai số cuối trùng nhiều lần với số lô của người mua thì người đó được trúng lô nhiều lần nhưng tối đa không quá ba lần, khi trúng lô người mua được trả 80.000đ (tám mươi nghìn đồng)/điểm.

Y thỏa thuận với T và T1 làm thư ký bán số lô, số đề cho khách chơi, sau đó tổng hợp bảng lô, đề rồi chuyển cho Y qua tin nhắn điện thoại, đồng thời Y còn trực tiếp ghi số lô, số đề cho những người có nhu cầu mua. Tiền bán lô đề được tính như sau: đối với tiền bán số lô, các thư ký thu của khách 23.000 đ/1 điểm lô, chuyển cho Yên 22.000 đ/1 điểm, thư ký thu lời 1.000 đ/1 điểm; tiền bán số đề, thư ký thu của khách 80% trên tổng số tiền mua đề; thư ký chuyển cho Y 75%, thư ký thu lời từ 5%; sau đó Y tổng hợp chuyển cho M tiền đề 73% , thu lời từ 2%; tiền lô 21.800đ/ 1 điểm, thu lời 200đ/1 điểm lô. Sau khi so sánh kết quả trúng, trượt, việc thanh toán tiền giữa Y với các thư ký và M được thực hiện vào ngày hôm sau.

Yên sử dụng chiếc điện thoại Iphone 4s gắn sim thuê bao 01649.677.752 nhận bảng lô, đề qua tin nhắn điện thoại từ số thuê bao 0961.784.028 của Nguyễn Hữu T; từ số thuê bao 01675.250.655 của Nguyễn Thị T1; từ thuê bao 01683.355.936 của Đặng Văn T3, sinh năm 1964 ở xã V, huyện C; từ số thuê bao 01652.621.940 của Hoàng Thị H, sinh năm 1968 ở xã V, huyện C.

Y sử dụng chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7 edge màu vàng, gắn sim thuê bao **0984.570.571** nhận tin nhắn từ số thuê bao 0963.815.648 của Trần Văn D, sinh năm 1967, ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Y sử dụng chiếc điện thoại Iphone X, gắn sim thuê bao 0975.132.134 để chuyển bảng lô, đề đến số thuê bao 0974.651.855 của Nguyễn Thị M.

- **Việc mua bán số lô, số đề giữa Y và Nguyễn Hữu T được thực hiện như sau:** T sử dụng số điện thoại 0961.784.028 gửi 01 tin nhắn lô, đề cho Y vào số 01694.677.752: "Kb 14000n, 22,94x500n", tương đương với số tiền **15.000.000đ**. Tổng số tiền T đánh bạc với Y là 15.000.000đ, số tiền này T chưa thanh toán cho Y.

- **Việc mua bán số lô, số đề giữa Yên và Nguyễn Thị T1 được thực hiện như sau:** T1 sử dụng 01 số điện thoại 01675.250.655 gửi 03 tin nhắn lô, đề cho Y vào số 01649.677.752: tin 1: "Tổng 5,6,7 mc 400n, dây 14x260n, dây 03x240n, 41x150n, 57x200n 05,94,99,88 mc 50n 86, 68 mc 10n, đầu đít 8 mc 40n, lô 60x100đ, 58,49 mc 5đ, 63,65,57 mc 50đ, xiên 18, 65 x200n"; tin 2: "90, 95, 97, 93 mc 25n, 63x50n, 85x40n, 07,08 mc 50n, 48, 83 mc 10n, 95x20n, lô 27x50đ, xiên 27, 50 x400n, lô 76,67, 00, 71, 16, 61, 08, 14 mc 10đ"; tin 3: "Đầu 6x500n, Dây 23x24n, 60, 65, 70 mc 100n, 78,87 mc 10n, 88x500n, 90, 42 mc 50n, lô 50, 73, 78 mc 10đ, 91, 07 mc 5đ" tương đương với số tiền là 14.614.000đ. Tổng số tiền T1 đánh bạc với Y là **14.614.000đ**. Số tiền này T1 chưa thanh toán cho Y.

- **Việc mua bán số lô, số đề giữa Y và Trần Văn D được thực hiện như sau:** D sử dụng số điện thoại 0963.815.648 gửi 04 tin nhắn đề cho Y vào số 0975.132.134:

+ Tin 1: Đầu 4x4triệu, Đầu 9x 3 triệu, 40x300n, 90x500n, 46,47 ms 100n"

+ Tin 2: "43,92,91,98 ms 200n, 89,59,96,34 ms 100n";

+ Tin 3: "96,46 ms 200n, 40,90 ms 100n, 49,x350n, 94x150n";

+ Tin 4: "Đầu 9 x700n".

Tương đương với số tiền là **11.000.000đ**. Tổng số tiền D đánh bạc với Y là **11.000.000đ**. Số tiền này D chưa thanh toán cho Y.

- **Việc mua bán số lô, số đề giữa Y và Hoàng Thị H được thực hiện như sau:** H sử dụng số 01652.621.940 nhắn 01 tin nhắn lô, đề cho Y vào số 01649.677.752: "Dây 04x120n, 45,54 mc 70n, 44x100n, 49,94 mc 60n, 99x200n, 59,95,40,45,04,54,09,90 mc 20n, dây 03x80n, dây 34x120n, 14,41,39,93,35 mc 30n, 34,43,63 mc 30n, 18, 68 mc 20n, 11x50n, kép 5x80n, kép 6x60n", tương đương với

số tiền **1.150.000đ**. Số tiền Y đánh bạc với H là 1.150.000đ, số tiền này H chưa thanh toán cho Y.

- **Việc mua bán số lô, số đề giữa Y và Đặng Văn T3 được thực hiện như sau:** T3 sử dụng số 01683.355.936 nhắn 01 tin nhắn lô, đề cho Y vào số 01649.677.752: "80x100n, 18,81 mc 50n, 12,21 mc 10n, 62,05,68,70,69,23,48,04,02,60,97,30,00,25,72,22,80,74,75,41,98,16,29,86,87 mc 5n, 26,96 mc 30n, 59x80n, 37,03,30,18,81,14,41,58,85 mc 5n", tương đương với số tiền là **575.000đ**. Số tiền Y đánh bạc với T3 là 575.000đ, số tiền này T3 chưa thanh toán cho Y.

Tổng số tiền Y đánh bạc với T, T1, D, H, T3 là: 42.339.000đ. Tại cơ quan điều tra, Y khai nhận tính đến ngày bị bắt Y đã nhận bảng lô đề của các thư ký được 03 ngày, cụ thể: ngày 01/2/2018 Y nhận bảng lô, đề với số tiền là 2.700.000đ và ngày 02/02/2018 Y nhận bảng lô, đề với số tiền là 2.000.000đ. Hai ngày trên, Y không có trúng lô, trúng đề.

Sau khi nhận bảng lô, đề từ các đối tượng nêu trên, Y tổng hợp lại và chuyển một phần bảng lô, đề cho Nguyễn Thị M. Bảng đề Y chuyển cho M gồm 02 tin nhắn:

+ Tin 1: "lô 60x100đ";

+ Tin 2: "87x1triệu, 79x100đ, 12,32 mc 300n, 98,99 mc 200n".

Tương đương với số tiền 6.400.000đ. Số tiền M đánh bạc với Y là 6.400.000đ. Số tiền này Y chưa thanh toán cho M. Đây là lần đầu tiên M nhận bảng lô, đề của Y.

Đối với bảng lô, đề của Nguyễn Hữu T chuyển đến cho Y, T sử dụng số điện thoại 0974.845.464 nhắn tin nhắn ghi số lô, số đề cho các đối tượng sau:

+ T nhận 01 tin nhắn lô, đề từ số 0973.282.216 của Nguyễn Tiến B, sinh năm 1973 ở xã Y: "ghi lo 79x15đ, 56x10đ, 57, 05, 78, 87, 06, 66, 37, 50, 58, 32, 73, 21, 12, 27, 63x5đ, tương đương **2.200.000đ**. T đã đánh bạc với B là 2.200.000đ, số tiền này B chưa thanh toán cho T.

+T nhận 01 tin nhắn đề từ số 0983.778508 của Nguyễn Đình T5, sinh năm 1982 ở xã V, huyện C: "47,97,36 x120n tương đương **360.000đ**. T đã đánh bạc với T5 số tiền 360.000đ, số tiền này T5 chưa thanh toán cho T.

+ T nhận 03 tin nhắn lô, đề từ số 0978.647.215 của Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 ở xã V, huyện C:

+ Tin 1: "lô 93x30đ tương đương số tiền là 660.000đ;

+ Tin 2: "lô 39,79 mỗi con 25đ, đề 39,49,79,80 mỗi con 50k, đề 40x50k";

+ Tin 3: "lô 30,27 mỗi con 15đ", tương đương với số tiền là **2.780.000đ**. Tổng số tiền T đánh bạc với H là 2.780.000đ, số tiền này H chưa thanh toán cho T.

T còn ghi hộ cho bố đẻ của mình là Nguyễn Hữu C, sinh năm 1957 ở phường T, T.P L: "10,08,07 x80n, lô 76,05x50đ" tương đương số tiền là **2.440.000đ**. Tin nhắn này Nguyễn Hữu C chưa kịp gửi cho T. Tại cơ quan điều tra, C khai nhận là ghi hộ cho Lưu Ngọc T4, sinh năm 1981 ở phường X, Thành Phố L. Ngày 04/02/2018 tại cơ quan CSĐT Công an tỉnh, T4 đã khai nhận là đã nhờ Nguyễn Hữu C ghi các số lô, số đề nêu trên. Ngoài ra T còn bán số lô, số đề cho những người khác mà T không nhớ tên và địa chỉ với số tiền 12.090.000đ

Tổng số tiền T đánh bạc với B, T5, H, T4 và những người không biết tên và địa chỉ là: 19.870.000đ, T tổng hợp bảng lô, đề và sử dụng số điện thoại 0974.845.464 chuyển một phần bảng lô, đề tới số 01695.569.592 của em trai mình là Nguyễn Trường T2, sinh năm 1990 ở Phường X, Thành phố L gồm 04 tin nhắn lô, đề:

+ Tin 1: "lô 93x30đ;

+ Tin 2: "lô 39,79 mỗi con 25đ, đề 39, 49,79,80 mỗi con 50k;

+ Tin 3: "lô 27,30 mỗi con 15đ, đề 40x50k";

+ Tin 4: "lô 79 x 15đ, 56 x 10đ, 57, 05, 78, 87, 06, 66, 37, 50, 58, 32, 73, 21, 12, 27, 63 x5đ" tương đương **4.870.000đ**. Tổng số tiền T2 đánh bạc với T là 4.870.000đ, số tiền này T chưa thanh toán cho T2. Còn lại số tiền 15.000.000đ T đã chuyển bảng lô, đề cho Y như đã nêu trên.

Các đối tượng Y, T, T1 khai tham gia đánh bạc từ hai ngày trước đó, nhưng không nhớ chơi với ai, với số tiền đánh bạc của mỗi đối tượng như sau:

- Đối với Y: ngày 01/2/2018 Y nhận bảng lô, đề với số tiền là 2.700.000đ và ngày 02/02/2018 Y nhận bảng lô, đề với số tiền là 2.000.000đ. Hai ngày trên, người mua số lô, số đề của Y đều không trúng.

- Đối với T: ngày 01/02/2018 T ghi số lô, số đề với số tiền là 1.700.000đ, ngày 02/02/2018 T ghi số lô, số đề với số tiền là 900.000đ. Hai ngày trên người mua số lô, số đề của T đều không trúng.

- Đối với T1: ngày 02/02/2018 T1 ghi số lô, số đề với số tiền là 700.000đ, người mua số lô, số đề của T1 đều không trúng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu các đồ vật, tài liệu sau:

- Thu của Đỗ Trọng Y: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4S màu đen, gắn sim thuê bao: 01649.677.752; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 edge màu vàng, gắn số thuê bao: 0984.570.571; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, gắn sim thuê bao: 0975.132.134; 06 tờ giấy có ghi nhiều con số, thu giữ số tiền 13.000.000đ trong két sắt tại phòng ngủ tầng 1.

Ngày 25/3/2018, Cơ quan điều tra đã trả cho Y số tiền 13.000.000đ- đây là số tiền không liên quan đến việc đánh bạc.

- Thu tại nơi ở của Nguyễn Hữu T: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen, gắn số thuê bao: 0974.845.464, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã cũ, gắn số thuê bao: 0963.473.598, 05 mảnh giấy có ghi các con số tự nhiên, 01 mảnh giấy là vỏ bao thư nhãn hiệu VIAAIRMAIL mặt sau có ghi các số tự nhiên, 01 mảnh giấy là mảnh giấy tờ lịch treo tường mặt sau có ghi các con số tự nhiên, 01 mảnh là tờ giấy A4 mặt trước ghi phiếu giao nhận và thanh toán, mặt sau có ghi các số tự nhiên, 01 mảnh giấy là mảnh giấy lịch treo tường mặt sau có ghi các số tự nhiên, 01 mảnh giấy lịch treo tường mặt sau có ghi các số tự nhiên, 01 ví da, bên trong có số tiền là 11.500.000đ, thu giữ tại tủ nhựa đựng quần áo số tiền là 29.050.000đ. Tổng số tiền thu giữ của T là 40.550.000đ.

Ngày 25/3/2018, Cơ quan điều tra đã trả cho T số tiền 40.550.000đ- đây là số tiền không liên quan đến việc đánh bạc.

- Thu của Trần Văn D: 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, gắn số thuê bao: 0963.815.648 và thu số tiền là 9.450.000đ.

Ngày 25/3/2018, Cơ quan điều tra đã trả cho D số tiền 9.450.000đ- đây là số tiền không liên quan đến việc đánh bạc.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSPT- P2 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định truy tố Đỗ Trọng Y, Trần Văn D, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

1- Về trách nhiệm hình sự:

- *Hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, điều 51, điều 36 BLHS. Xử phạt:

- Bị cáo Y từ 25 đến 28 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ, quy đổi thành 18 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành từ 24 tháng 12 ngày đến 27 tháng 12 ngày.

- Bị cáo D từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ, quy đổi thành 09 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành từ 14 tháng 21 ngày đến 17 tháng 21 ngày.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với 2 bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, điều 51, điều 36 BLHS, Xử phạt:

- Bị cáo M từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo T, T1 từ 9 tháng đến 12 tháng CTKGG, trừ cho bị cáo T 06 ngày tạm giữ quy đổi thành 18 ngày. Bị cáo T còn phải chấp hành từ 8 tháng 12 ngày đến 11 tháng 12 ngày; Trừ cho bị cáo T1 03 ngày tạm giữ quy đổi thành 09 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành từ 08 tháng 21 ngày đến 11 tháng 21 ngày.

Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

2- Về xử lý vật chứng: căn cứ điều 47, điểm a,b,c khoản 2 BLHS, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS .

- Tịch thu tiêu hủy: 06 tờ giấy có ghi nhiều con số, 05 mảnh giấy có ghi các con số tự nhiên, 01 mảnh giấy là vỏ bao thư nhãn hiệu VIAAIRMAIL mặt sau có ghi các số tự nhiên, 01 mảnh giấy là mảnh giấy tờ lịch treo tường mặt sau có ghi các con số tự nhiên, 01 mảnh là tờ giấy A4 mặt trước ghi phiếu giao nhận và thanh toán, mặt sau có ghi các số tự nhiên, 01 mảnh giấy là mảnh giấy lịch treo tường mặt sau có ghi các số tự nhiên, 01 mảnh giấy lịch treo tường mặt sau có ghi các số tự nhiên và 06 sim số điện thoại là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4S màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 edge màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã cũ, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia và số tiền 52.789.000đ.

- Truy thu đối với Y số tiền 8.000.000đ (là số tiền Y bán số lô, số đề của các đối tượng trong hai ngày 01/2, 02/02/2018) để sung công quỹ nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo T 01 ví da đã qua sử dụng;

3-Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Y, D, T, T1, M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận và có lời nói sau cùng là: Các bị cáo rất ân hận về hành vi của bản thân, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và bị cáo cam đoan không bao giờ vi phạm pháp luật hoặc phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ buộc tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 03/02/2018, tại khu 02, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Các bị cáo Đỗ Trọng Y, Nguyễn Hữu T, Trần Văn D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T1 có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô, số đề chuyển qua tin nhắn điện thoại. Tổng số tiền mà bị cáo Đỗ Trọng Y sử dụng đánh bạc là 42.339.000đ; bị cáo Nguyễn Hữu T đánh bạc với số tiền là 19.870.000đ; bị cáo Trần Văn D đánh bạc với số tiền: 11.000.000đ; bị cáo Nguyễn Thị M đánh bạc là 6.400.000đ; bị cáo Nguyễn Thị T1 đánh bạc với số tiền 14.614.000đ. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong vụ án này, bị cáo Đỗ Trọng Y là người trực tiếp mua bán số lô, số đề với các thư ký khác, sau đó tổng hợp, giữ lại một phần, chuyển cho người khác một phần, nên có vai trò lớn nhất trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Thị M là người nhận bằng số lô, số đề do bị cáo Y chuyển đến, còn các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị T1, Trần Văn D là những người trực tiếp bán

số lô, số đề cho những người chơi sau đó tổng hợp thành bảng số lô, số đề gửi cho bị cáo Y để hưởng hoa hồng, nên đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo đều không có tiền sự, tiền án. Tuy nhiên, các bị cáo Y, D đều đã một lần bị xử phạt tù nhưng đã được xóa án tích.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, M, T1 được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự là: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Y, D được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự là: Thành khẩn khai báo và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, trên cơ sở để phục vụ công tác đấu tranh chống, phòng ngừa chung tội phạm và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, cần chấp nhận áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Y, D và áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo T, T1, M với mức đủ để bị cáo tỉnh ngộ, sớm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 điều 36 của Bộ luật hình sự thì người bị phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quy nhà nước. Tuy nhiên, kết quả xác minh của cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có thu nhập thấp và không ổn định, nên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Y, D.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 điều 321 của Bộ luật hình sự, thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Kết quả xác minh của cơ quan điều tra và lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo Y, D có tài sản, nên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với mức phù hợp với tính chất hành vi phạm tội và điều kiện kinh tế của các bị cáo. Đối với các bị cáo T, T1, M đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và để tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo khi thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Tiền và điện thoại dùng vào việc đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Các mảnh giấy có ghi các số tự nhiên và 06 sim điện thoại di động đã thu giữ đều không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu để tiêu hủy. Ví da thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo T và tại phiên tòa, bị cáo T yêu cầu được nhận lại,

nên trả lại cho bị cáo. Số tiền bị cáo Yêcó được từ việc bán số lô, số đề trong các ngày 01/02/2018 và 02/02/2018 tổng cộng là 8.000.000đồng, cần truy thu sung quỹ nhà nước. Số tiền mà Cơ quan điều tra thu giữ và đã giao trả lại cho các bị cáo Y, T, D với lý do như bản cáo trạng nêu, là đúng pháp luật, cần xác nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với: Nguyễn Trường T2, Nguyễn Văn H, Hoàng Thị H, Nguyễn Hữu C, Lưu Ngọc T, Nguyễn Tiến B, Đặng Văn T3, Nguyễn Đình T5 với lý do như bản cáo trạng nêu, là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Trọng Y, Trần Văn D, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị M phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1, 5 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 và Khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Trọng Y, Trần Văn D.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điểm a Khoản 1 và Khoản 3 Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T1.

Xử phạt các bị cáo:

- Đỗ Trọng Y 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 06 ngày bị tạm giữ, quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 19 (Mười chín) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

- Trần Văn D 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 06 ngày bị tạm giữ, quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đỗ Trọng Y cho UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ và giao bị cáo Trần Văn D cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đỗ Trọng Y, Trần Văn D.

Phạt bổ sung các bị cáo Đỗ Trọng Y, Trần Văn D, mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước. Thời hạn nộp tiền kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị M, mỗi bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước. Thời hạn nộp tiền kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2-Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy: 06 tờ giấy có ghi nhiều con số, 05 mảnh giấy có ghi các con số tự nhiên, 01 mảnh giấy là vỏ bao thư nhãn hiệu VIAAIRMAIL mặt sau có ghi các số tự nhiên, 01 mảnh giấy là mảnh giấy tờ lịch treo tường mặt sau có ghi các con số tự nhiên, 01 mảnh là tờ giấy A4 mặt trước ghi phiếu giao nhận và thanh toán, mặt sau có ghi các số tự nhiên, 01 mảnh giấy là mảnh giấy lịch treo tường mặt sau có ghi các số tự nhiên, 01 mảnh giấy lịch treo tường mặt sau có ghi các số tự nhiên và 06 sim số điện thoại không còn giá trị sử dụng (Theo biên bản giao vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê ngày 22/5/2018).

- Tịch thu của: bị cáo Đỗ Trọng Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4S màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 edge màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, bị cáo Nguyễn Hữu T 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã cũ, bị cáo Trần Văn D 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia và số tiền 52.789.000đ (Năm mươi hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước (Theo biên bản giao vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê ngày 22/5/2018).

- Bị cáo Đỗ Trọng Y phải nộp 8.000.000đ (Tám triệu đồng) để tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu T 01 ví da đã qua sử dụng (Theo biên bản giao vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê ngày 22/5/2018).

- Xác nhận Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ đã giao trả cho các bị cáo Đỗ Trọng Y 13.000.000đồng, Nguyễn Hữu T 40.550.000đồng, Trần Văn D 9.450.000đồng (Theo biên bản giao trả tài sản lưu trong hồ sơ vụ án).

3-Về án phí:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đỗ Trọng Y, Trần Văn D, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CQCSĐT CA huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- THAHS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ+VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng